

Chinese for Kids

Unit 3

4. Day

今天星期几?



Level:

Beginner

You will learn:

这节课我们学习星期几。

In this lesson we will learn "Days of a week".

Jīn tiān xīng qī jǐ? Xīng qī yī.

今天星期几? 星期一。

What day is today? Monday.

Vocabulary

Text

Exercise

Characters





xīng qī yī
星 期 一

Monday

xīng qī èr
星 期 二

Tuesday

xīng qī sān
星 期 三

Wednesday

xīng qī sì
星 期 四

Thursday

xīng qī wǔ
星 期 五

Friday

xīng qī liù
星 期 六

Saturday

xīng qī rì
星 期 日

Sunday

nián
年

year

Text A

Jīn tiān xīng qī jǐ?
今天星期
几?

What day is today?

Míng tiān xīng qī jǐ?
明天星期
几?

What day is
tomorrow?



五月

10

星期一

xīng qī yī.
星期一。

Monday.

xīng qī èr.
星期二。

Tuesday.



Text B

2010 年 6 月

星期日	星期一	星期二	星期三	星期四	星期五	星期六
		1	2	3	4	5
6	7	8	9	10	11	12
13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26
27	28	29	30			



Jīn tiān shì èr líng yī líng nián
今天 是 二零一零年
liù yuè yī hào, xīng qī èr.
六月一号, 星期二。

Today is June 1, 2010, Tuesday.

Exercise

Example:

Monday March
8, 2010

Jīn tiān shì èr líng yī líng nián
今天 是 二零一零年
sān yuè bā hào, xīng qī yī.
三月 八号, 星期一。

Tuesday
January 3, 2006

Wednesday
December 30, 2009

Thursday
February 5, 1998

Friday
July 14, 2000

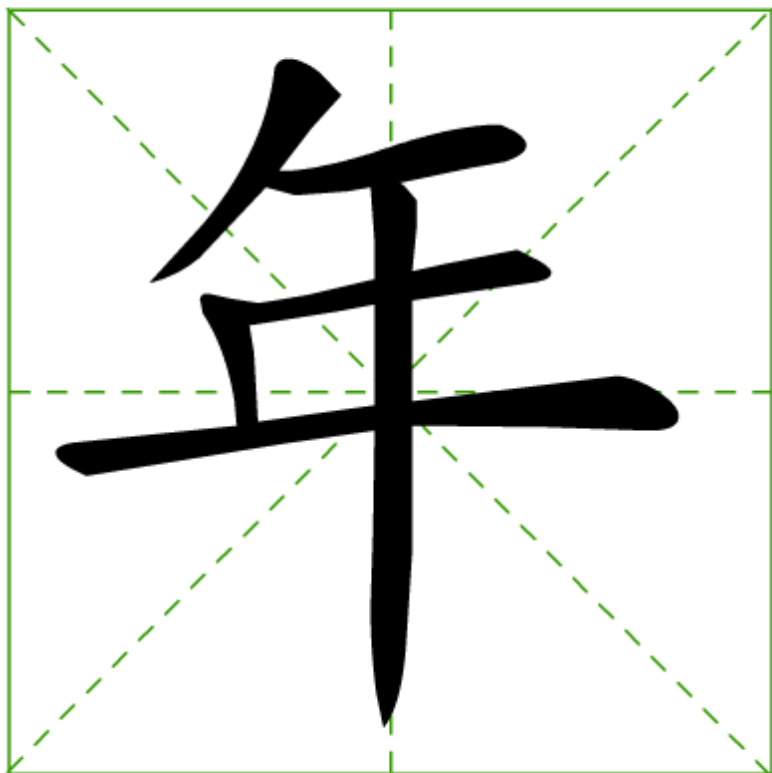
Saturday
August 18, 2007

Sunday
April 27, 2008

Write characters



nián



笔顺

笔画

偏旁部首

组词



EXIT

